

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20-06-2024.

V/v: Chia tài sản chung sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương .
2. Bà Nguyễn Thị Mai Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Thủy – Thư ký Toà án nhân dân HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN TY: Bà Phạm Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 20-06-2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2023/TLST-HNGĐ ngày 31-10-2023 về việc: Chia tài sản chung sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11-04-2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 07/TB-TA ngày 07-6-2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thu H, sinh năm 1977. Có mặt

Địa chỉ: Thôn HP, xã Y C, HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1970. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn HP, xã Y C, HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trần Hoàng T, sinh năm 1995. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn HP, xã Y C, HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái.

+ Chị Trần Kiều T, sinh năm 1998. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Làng Dự, xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-10-2023, bản tự khai đề ngày 15-11-2023 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị Thu H trình bày:

Chị Đinh Thị Thu H và Anh Trần Văn Q là vợ chồng, nhưng do mâu thuẫn, được Tòa án HUYỆN TY giải quyết cho ly hôn, tại Quyết định thuận tình ly hôn số

11/QĐST-HNGĐ ngày 20-04-2022. Về tài sản chung và công nợ chung anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết, nay chị Hyêu cầu chia khối tài sản chung của chị và Anh Trần Văn Q gồm:

1- Thửa đất cây lâu năm có diện tích 400m², địa chỉ tại Thôn HP, xã Y C, HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái được UBND HUYỆN TY cấp cho hộ ông Trần Văn Q ngày 26-10-2001, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 506857, vào sổ số 566/QSDD/369, đất có giá trị là 80.000.000 đồng.

2- Tài sản trên đất gồm có: 01 nhà xây khép kín có diện tích 72m² xây năm 2009 có giá là 70.000.000 đồng; 40 cây quế trồng được 10 năm tuổi có giá trị là 7.000.000 đồng; 07 cây làng giàng trị giá 3.000.000 đồng; 05 cây sà cừ trị giá 2.000.000 đồng.

3- Đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm có: 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 4.000.000 đồng; 01 kệ gỗ cửa kính trị giá 2.000.000 đồng; 02 téc nước INOC loại 1500 lít cũ, mỗi téc trị giá 500.000 đồng; 01 ty vi Sony cũ 50 in trị giá 500.000 đồng; 02 loa trị giá 1.000.000 đồng; 01 âm ly trị giá 500.000 đồng; 01 máy giặt trị giá 500.000 đồng; 04 nồi nhôm trị giá 500.000 đồng .

Tổng cộng tài sản có giá trị là 172.000.000 đồng, chị Hyêu cầu giải quyết về tài sản gồm nhà và đất, chị nhận trích chia bằng tiền mặt, số tài sản còn lại đề nghị chia đôi, chị nhận hưởng tài sản bằng hiện vật.

Tại bản khai ngày 15-12-2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Anh Trần Văn Q trình bày: Năm 1995 anh và chị Đinh Thị Thu H kết hôn với nhau, chung sống có hạnh phúc đến năm 1999 do vi phạm pháp luật nên anh bị tòa án tỉnh Yên Bái xử phạt 10 năm tù. Năm 2001 bố đẻ anh là ông Trần Chính Thắng và vợ là Đinh Thị Thu H có làm thủ tục ông Thắng cho tặng 400m² đất lâm nghiệp tại Thôn HP, xã Y C, HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Trần Văn Q. Năm 2006, anh Q được ra tù sớm do có nhiều thành tích tốt, khi về chung sống vợ chồng do có mâu thuẫn nên năm 2022 vợ chồng đã được Tòa án nhân dân HUYỆN TY giải quyết ly hôn. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và có thống nhất là để lại cho con, nhưng cuối năm 2022 cô H khởi kiện ra tòa yêu cầu chia tài sản sau ly hôn, sau khi tòa án giải quyết đã tiến hành thẩm định, thống nhất với nhau về toàn bộ tài sản chung theo kết quả thẩm định và thống nhất về tài sản cũng như giá trị tài sản, nhưng sau đó cô H rút đơn khởi kiện. Nay cô H lại tiếp tục khởi kiện chia tài sản sau ly hôn anh Q nhất trí đối với số lượng và giá trị tài sản đã được thống nhất từ trước, sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án và đề nghị đây là tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn cần giao lại cho con trai là Trần Hoàng Tiếp tục sử dụng, cô H chấm dứt việc kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản sau ly hôn.

Tại bản khai ngày 25 tháng 03 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chị Trần Kiều T trình bày: Là con thứ hai của bố Trần Văn Q, mẹ Đinh Thị Thu H, bố mẹ do mâu thuẫn đã được tòa án giải

quyết cho ly hôn, nay mẹ yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn, đối với tài sản chung yêu cầu tòa án giải quyết được xác định là tài sản của bố mẹ, là con chị Tkhông có đóng góp gì trong khối tài sản chung đó nên chị không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Anh Trần Hoàng T, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tòa, ngày 23-05-2024 Anh Trần Hoàng T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và xác định là tài sản của bố mẹ, anh không có đóng góp công sức gì vào khối tài sản chung nên anh không có yêu cầu gì đối với tài sản của bố mẹ.

Tại biên bản làm việc ngày 04-03-2024 và biên bản kiểm tra đối chiếu tài sản ngày 14-03-2024 các đương sự chị H, anh Qthống nhất về số lượng và giá trị tài sản gồm: 01 nhà xây cấp 4 mái đổ bê tông diện tích 72m² xây trên đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 400m² có giá là 70.000.000 đồng; 01 đồi quế khoảng 40 cây 10 năm tuổi trồng trên đất liền kề nhà ở có giá trị là 7.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 4.000.000 đồng; 01 kệ gỗ cửa kính trị giá 2.000.000 đồng; 02 téc nước mỗi téc trị giá 500.000đ = 1.000.000 đồng; 01 ty vi SONY 50 inch trị giá 1.000.000 đồng; 02 loa và 01 âm ly trị giá 500.000 đồng; 04 nồi nhôm gồm 01 nồi nhôm đúc trị giá 200.000 đồng, 01 nồi nhôm 60 lít trị giá 100.000 đồng, 01 nồi nhôm 40 lít trị giá 100.000 đồng, 01 nồi nhôm 20 lít trị giá 100.000 đồng; 03 cây gỗ Làng giàng và 03 cây gỗ xà cừ có giá trị là 1.500.000 đồng ngoài ra không còn tài sản gì đáng giá khác. Tổng giá trị tài sản là 87.500.000 đồng.

Đối với 400m² đất cây lâu năm, địa chỉ tại Thôn HP, xã Y C, HUYỆN TY được UBND HUYỆN TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn Q ngày 26-10-2001 số seri U 506857 vào sổ số 566 QSDĐ/369. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 21-02-2024 UBND xã Y can có báo cáo số 25/BC-UBND về việc xác minh nguồn gốc và kê khai sử dụng đất đối với thửa đất trên, thấy rằng việc cấp đất là sai với quy định và đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất trên. Tại buổi làm việc ngày 22-3-2024 giữa Phòng Tài nguyên và môi trường HUYỆN TY với UBND xã Y Can, HUYỆN TY đã thống nhất Phòng tài nguyên và môi trường HUYỆN TY căn cứ Luật đất đai và các văn bản hiện hành tham mưu trình UBND HUYỆN TY thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và ngày 11-04-2024 UBND HUYỆN TY có Quyết định số 1042/QĐ-UBND về việc thu hồi đối với thửa đất trên. Ngày 08-4-2024, chị Đinh Thị Thu H có đơn yêu cầu xin rút một phần yêu cầu đối với yêu cầu chia thửa đất 400m².

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H cho biết toàn bộ số cây quế anh Q đã chặt hết nay chị yêu cầu lấy tiền chênh lệch của số quế anh Q đã chặt và số cây làng giàng, cây xà cừ và đề nghị sử dụng bộ bàn ghế gỗ cũ, ngoài ra các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu và không bổ sung nội dung gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại

phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của Tổ tụng dân sự. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 33, 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 213, 357, 468 Bộ luật Dân sự; điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Thu H. Giao cho chị Đinh Thị Thu H sở hữu, sử dụng phần tài sản gồm 01 kệ gỗ; 01 téc nước; 01 nồi nhôm 40 lít; 01 bộ bàn ghế gỗ cũ. Tổng giá trị tài sản chị H được chia là 6.600.000 đồng và chị H được nhận một phần tiền trích chia trên lệch tài sản do anh Q thanh toán trả tương ứng với giá trị tài sản các bên được chia.

Giao cho Anh Trần Văn Q sở hữu, sử dụng 01 nhà xây cấp 4 mái đổ bê tông, diện tích 72m² có giá trị là 70.000.000 đồng; 01 téc nước trị giá 500.000 đồng; 01 ty vi sony 50 inch trị giá 1.000.000 đồng; 02 loa và 01 âm ly trị giá 500.000 đồng; 01 nồi nhôm đúc trị giá 200.000 đồng; 01 nồi nhôm 60 lít trị giá 100.000 đồng; 01 nồi nhôm 20 lít trị giá 100.000 đồng; giá trị của 03 cây gỗ làng giàng, 03 cây gỗ xã cừ là 1.500.000 đồng và giá trị của 40 cây quế là 7.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản anh Q được chia là 80.900.000 đồng. Giá trị tài sản anh Q được chia lớn hơn giá trị tài sản chị H được chia là 80.900.000 đ – 6.600.000 đ = 74.300.000 đồng, cần buộc Anh Q có trách nhiệm trích chia trên lệch tài sản cho chị H số tiền tương ứng phần tài sản anh được chia là 74.300.000 đồng : 2 = 37.150.000 đồng.

Đối với yêu cầu chia thừa đất, chị H đã có đơn xin rút yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân HUYỆN TY nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn. Bị đơn Anh Trần Văn Q có đăng ký hộ khẩu tại Thôn HP, xã Y C, HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[2.1] *Về tài sản chung*: Chị Đinh Thị Thu H và Anh Trần Văn Q thống nhất về số lượng và giá trị tài sản gồm: 01 nhà xây cấp 4 mái đổ bê tông diện tích 72m² xây

trên đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 400m² có giá là 70.000.000 đồng; 40 cây quế 10 năm tuổi trồng trên đất liền kề sau nhà ở có giá trị là 7.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 4.000.000 đồng; 01 kệ gỗ cửa kính trị giá 2.000.000 đồng; 02 téc nước mỗi téc trị giá 500.000đ = 1.000.000 đồng; 01 ty vi SONY 50 inh trị giá 1.000.000 đồng; 02 loa và 01 âm ly trị giá 500.000 đồng; 04 nồi nhôm gồm 01 nồi nhôm đúc trị giá 200.000 đồng, 01 nồi nhôm 60 lít trị giá 100.000 đồng, 01 nồi nhôm 40 lít trị giá 100.000 đồng, 01 nồi nhôm 20 lít trị giá 100.000 đồng; 03 cây gỗ làng giàng và 03 cây gỗ xà cừ có giá trị là 1.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 87.500.000 đồng. Nhận thấy thống nhất về số lượng và giá trị tài sản của các bên đương sự đưa ra là phù hợp nên cần được chấp nhận.

Đối với 400m² đất cây lâu năm, địa chỉ tại Thôn HP, xã Y C, HUYỆN TY được UBND HUYỆN TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn Q ngày 26-10-2001 số seri U 506857 vào sổ số 566 QSDD/369, do nguyên đơn chị Đinh Thị Thu H có đơn xin rút yêu cầu chia đúng theo Pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2.2] Xét nguyện vọng của chị Hnhận sử dụng 01 kệ gỗ cửa kính trị giá 2.000.000 đồng; 01 téc nước trị giá 500.000 đồng; 01 nồi nhôm 40 lít trị giá 100.000 đồng; 03 cây gỗ làng giàng và 03 cây gỗ xà cừ có giá trị là 1.500.000 đồng; 40 cây quế trồng sau nhà có giá trị là 7.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 4.000.000 đồng. Tuy nhiên hiện tại 40 cây quế 03 cây gỗ làng giàng và 03 cây gỗ xà cừ anh Qđã khai thác, nên chị yêu cầu chia bằng tiền. Do đó tổng giá trị tài sản chị Hnhận chia là 6.600.000 đồng. Thấy rằng, khi anh Qvà chị Hly hôn, chị Hvề nhà mẹ đẻ ở không đem theo tài sản gì, do anh chị không thỏa thuận, thống nhất được với nhau về việc chia tài sản chung. Theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình quy định về nguyên tắc chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn: Việc chia tài sản chung vợ chồng được chia đôi, nhưng có tính đến các yếu tố hoàn cảnh của vợ và chồng, công sức đóng góp vào việc duy trì, tạo lập và phát triển khối tài sản chung. Đối với các con của anh chị không có đóng góp gì vào khối tài sản chung, bản thân chị Hvà anh Qxác định đây là tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, do đó các con của anh chị không được trích chia phần.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn của chị Đinh Thị Thu H là có căn cứ được chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu chia tài sản chung của chị Đinh Thị Thu H nhận thấy là phù hợp quy định của pháp luật nên cần chia cho chị Hsở hữu, sử dụng gồm 01 kệ gỗ trị giá 2.000.000 đồng; 01 téc nước trị giá 500.000 đồng; 01 nồi nhôm 40 lít trị giá 100.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ cũ trị giá 4.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chị Hđược chia là 6.600.000 đồng. Chị Hđược nhận tiền trích chia trên lệch tài sản do anh Qthanh toán trả là 37.150.000 đồng.

Chia cho Anh Trần Văn Q sở hữu, sử dụng 01 nhà xây cấp 4 mái đổ bê tông, diện tích 72m² có giá trị là 70.000.000 đồng; 01 téc nước trị giá 500.000 đồng; 01 ty vi soni 50 inch trị giá 1.000.000 đồng; 02 loa và 01 âm ly trị giá 500.000 đồng; 01 nồi nhôm đúc trị giá 200.000 đồng; 01 nồi nhôm 60 lít trị giá 100.000 đồng; 01 nồi nhôm 20 lít trị giá 100.000 đồng; Giá trị của 40 cây quế là 7.000.000 đồng; 03 cây gỗ làng giàng và 03 cây gỗ xà cừ là 1.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản anh Q được chia là 80.900.000 đồng. Giá trị tài sản anh Q được chia lớn hơn giá trị tài sản chị H được chia là 80.900.000 đ – 6.600.000 đ = 74.300.000 đồng. Cần buộc Anh Q có trách nhiệm trích chia trên lịch tài sản cho chị H số tiền tương ứng phần tài sản anh được chia là 74.300.000 đồng : 2 = 37.150.000 đồng.

[2.4] Đối với 400m² đất cây lâu năm, địa chỉ tại Thôn HP, xã Y C, HUYỆN TY được UBND HUYỆN TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn Q ngày 26-10-2001 số seri U 506857 vào sổ số 566 QSDD/369, do nguyên đơn chị Đinh Thị Thu H có đơn xin rút yêu cầu chia đúng theo Pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí chia tài sản chung có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về quan điểm của Kiểm sát viên đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế, khách quan nên cần chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 213 Bộ luật Dân sự; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Thu H.

2. Chia tài sản chung của chị Đinh Thị Thu H và Anh Trần Văn Q sau khi ly hôn như sau:

Giao cho chị Đinh Thị Thu H được quyền sở hữu, sử dụng 01 kệ gỗ; 01 téc nước; 01 nồi nhôm 40 lít; 01 bộ bàn ghế gỗ cũ.

Trị giá tài sản chị H được chia là 6.600.000 đồng (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Chị H được nhận tiền trích chia trên lịch tài sản do anh Q thanh toán trả là 37.150.000 đồng (Ba mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 43.750.000 đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)

Giao cho Anh Trần Văn Q sở hữu, sử dụng 01 nhà xây cấp 4 mái đổ bê tông, diện tích 72m²; 01 téc nước; 01 ty vi soni 50 inh; 02 loa và 01 âm ly; 01 nồi nhôm đúc; 01 nồi nhôm 60 lít; 01 nồi nhôm 20 lít; giá trị của 40 cây quế, 03 cây gỗ làng giàng và 03 cây gỗ xà cừ.

Trị giá tài sản anh Q được chia là 80.900.000 đồng (Tám mươi triệu chín trăm nghìn đồng). Buộc Anh Trần Văn Q có trách nhiệm trích chia trên lịch tài sản cho chị Đinh Thị Thu H số tiền là 37.150.000 đồng (Ba mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) 80.900.000 đồng – 37.150.000 đồng = 43.750.000 đồng. Tổng cộng số tiền anh Q được chia là 43.750.000 đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày chị Đinh Thị Thu H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chênh lệch tài sản, nếu Anh Trần Văn Q chưa thi hành án thì hàng tháng anh Q còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.187.500 đồng (Hai triệu một trăm tám bảy nghìn năm trăm đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chị H đã nộp là 2.322.500 đồng (hai triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số AA/2022/0002011 tại Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái ngày 31-10-2003. Chị H được trả lại 135.000 (*Một trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

Anh Trần Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.187.500 đồng (Hai triệu một trăm tám bảy nghìn năm trăm đồng). (Anh Trần Văn Q chưa nộp).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND HUYỆN TY;
- Chi cục THADS HUYỆN TY;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSPA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Phương